

Thị trường vẫn giằng co với thanh khoản thấp

Diễn biến phiên giao dịch ngày hôm nay tích cực hơn về mặt điểm số và số lượng cổ phiếu tăng so với giảm nhưng nhìn chung vẫn chưa có gì thay đổi so với các phiên gần đây. Thị trường mở cửa ở mức cao nhờ hiệu ứng tâm lý khá thuận lợi từ việc các thị trường chứng khoán quốc tế tăng mạnh nhưng lại yếu dần đều về cuối phiên và chốt phiên với mức tăng yếu. VNIndex đóng cửa ở 926.28 điểm tăng 4.12 điểm và VN30 đóng cửa ở 900.40 điểm tăng 1.15 điểm với thanh khoản toàn thị trường khi loại bỏ giao dịch thỏa thuận vẫn ở mức thấp 3.200 tỷ đồng và tương đương phiên giao dịch hôm qua

Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn biến động trái chiều trong đó VHM đóng góp lớn nhất cho mức tăng của VNIndex tiếp đến là VRE, VNM, VCB, VJC, GAS, SAB... Trong khi đó ở chiều ngược lại các cổ phiếu như MWG, HPG, MBB, MSN, ROS, STB, NVL giảm nhẹ gây cản trở cho đà tăng của chỉ số. Nhóm cổ phiếu ngân hàng đóng cửa trái chiều mặc dù đồng thuận tăng trong phiên giao dịch sáng với VCB, ACB, VPB, TPB, EIB, LPB tăng nhẹ và BID, HDB, TCB, SHB tham chiếu trong khi CTG, MBB, STB giảm nhẹ. Nhóm cổ phiếu ngành chứng khoán hầu hết tăng nhẹ trừ MBS giảm nhẹ. Nhóm cổ phiếu ngành dầu khí tiếp tục diễn biến yếu hơn hẳn mặt bằng chung do tác động tiêu cực từ triển vọng giá dầu vẫn theo chiều hướng giảm trong đó GAS, BSR, OIL, PVC tăng nhẹ nhưng PLX, PVS, PVD, PVB, PXS giảm nhẹ. Số lượng cổ phiếu tăng chiếm đa số so với số lượng cổ phiếu giảm phiên hôm nay nhưng mức tăng là khá nhẹ trong đó các cổ phiếu tăng mạnh đa phần là cổ phiếu nhỏ cho thấy một phần dòng tiền đang bị hút sang các cơ hội nhỏ và mạo hiểm khi bối cảnh biến động hẹp của các cổ phiếu lớn vẫn tiếp diễn

Khối nhà đầu tư ngoại giao dịch rất ít trong phiên hôm nay khi chỉ bằng quy mô một nửa so với trung bình và khối này vẫn tiếp tục mua ròng nhẹ hơn 30 tỷ trên sàn HOSE. Các cổ phiếu như VNM; FRT; SSI; VRE; DXG; GMD; SBT... được mua ròng nhẹ và ở chiều ngược lại NVL; VIC; HPG; HDB; HBC... bị bán ròng nhẹ

Chúng tôi cảm nhận thấy sự mất phương hướng của các thành phần tham gia thị trường trong bối cảnh hiện tại khiến cho các quyết định mua, bán lúc này đều trở nên khó khăn hơn dẫn tới thanh khoản thị trường tiếp tục ở mức thấp. Mặc dù, các chỉ số và nhiều cổ phiếu tăng điểm phiên hôm nay nhưng chúng tôi đánh giá mức tăng và thanh khoản hơi thất vọng trong bối cảnh thị trường chứng khoán quốc tế hồi phục mạnh mẽ các phiên gần đây. Điều này cho thấy việc bị ảnh hưởng theo thị trường thế giới theo chiều giảm đang tác động nhiều hơn so với chiều tăng hay nói một cách khác thị trường chứng khoán Việt Nam đang diễn biến từng phiên yếu hơn so với mặt bằng chung. Thanh khoản thấp như hiện tại cũng chưa mang hàm ý quá tiêu cực bởi ít nhất nó cũng cho thấy cung chưa mạnh và áp lực bán đuổi vẫn chưa diễn ra nhưng nếu nhìn ở góc độ của đợt hồi phục thì thanh khoản thấp luôn mang yếu tố thiếu tích cực về sức mạnh của dòng tiền. Chúng tôi vẫn duy trì quan điểm thận trọng và bảo lưu quan điểm tận dụng canh bán giảm tỷ trọng cổ phiếu trong các phiên tăng điểm với kỳ vọng giải ngân trở lại khi VNIndex về vùng 885 điểm hoặc thấp hơn như 840-850 điểm.

Thông kê	HOSE	HNX
Đóng cửa	926.3	104.5
% Thay đổi	0.45	0.33
Khối lượng	145.8	35.0
Giá trị (tỷ đồng)	2,762.7	414.5
Số mã tăng	177	90
Số mã giảm	105	46
Không thay đổi	87	237

Hàng hóa & Tiền tệ	Giá đóng cửa	%chg
Gold(USD/Oz)	1,223	-0.50
WTI Oil (\$/B) 1Mth	62	-0.11
Brent Oil (\$/B) 1Mth	72	-0.24
USDVND	23,308	0.01
EURVND	26,645	0.04

Nguồn: Bloomberg

VNINDEX



HNX-INDEX



Nhóm ngành (VNIndex)	Tỷ trọng Index (%)	Thay đổi giá (%)	P/E x	P/B x
Tiêu dùng thiết yếu	2.88	-0.74%	15.38	3.72
Thực phẩm và đồ uống	18.59	0.51%	24.66	6.70
Năng lượng	3.06	-0.19%	23.51	3.13
Tài chính	26.67	0.09%	16.34	2.35
Y tế	1.01	0.50%	18.63	2.99
Công nghiệp	7.98	0.56%	17.11	3.60
Công nghệ thông tin	0.97	0.72%	8.53	2.07
Vật liệu và hóa chất	4.75	-0.03%	11.35	1.74
Bất động sản	25.70	1.09%	48.74	3.81
Dịch vụ tiện ích	7.87	0.39%	14.70	4.00

HOSE					
Tăng mạnh nhất					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
RIC	6,280	410	7.0	25,070	0.004
ACL	32,250	2,100	7.0	39,370	0.015
HVX	3,850	250	6.9	1,000	0.003
NAV	6,470	420	6.9	500	0.001
CMX	13,150	850	6.9	78,050	0.004

Giảm mạnh nhất					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
####	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!
HRC	30,700	-2,300	-7.0	1,620	-0.022
PTL	2,570	-190	-6.9	7,120	-0.006
SGT	4,940	-360	-6.8	1,670	-0.008
AAM	13,500	-950	-6.6	12,030	-0.003

HOSE					
Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều tăng					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
VHM	74,700	2,000	2.8	481,780	2.090
VRE	31,000	600	2.0	1.76MLN	0.356
VNM	120,000	500	0.4	815,890	0.272
VCB	55,700	200	0.4	575,720	0.224
VJC	133,300	1,300	1.0	622,400	0.220

Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều giảm					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
MWG	110,000	-2,000	-1.8	604,530	-0.202
HPG	38,900	-250	-0.6	2.80MLN	-0.166
MSN	84,500	-200	-0.2	145,850	-0.073
MBB	21,400	-100	-0.5	2.15MLN	-0.067
STB	12,600	-100	-0.8	3.12MLN	-0.059

Thanh khoản cao nhất					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	GTGD (tỷ đồng)	Đóng góp vào Index
FLC	5,680	270	5.0	16.06MLN	0.060
HAG	5,460	210	4.0	5.30MLN	0.061
QCG	7,420	220	3.1	5.14MLN	0.019
OGC	3,080	-40	-1.3	4.98MLN	-0.004
ASM	10,850	150	1.4	3.50MLN	0.011

Thị trường Khu vực	Giá đóng cửa	Thay đổi giá (%)	P/E x	P/B x	Vốn hóa Tỷ US\$
China	3,212.8	-0.28%	11.85	1.52	3,688.6
India	10,598.4	0.65%	21.86	3.07	1,053.5
Indonesia	5,976.8	0.62%	18.22	2.20	463.5
Laos	835.7	-0.02%	4.88	0.30	1.1
Malaysia	1,721.4	0.38%	18.29	1.81	258.7
Philippines	7,035.7	0.03%	17.88	1.93	167.7
Taiwan	9,945.3	0.37%	13.30	1.59	920.4
Thailand	1,681.7	0.38%	16.26	1.96	513.6
Vietnam	926.3	0.45%	16.22	2.51	127.1

HNX					
Tăng mạnh nhất					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
SPI	1,000	100	11.1	24,700	0.000
LDP	22,000	2,000	10.0	1,800	0.000
MSC	15,400	1,400	10.0	1,100	0.000
CTX	25,600	2,300	9.9	500	0.000
STC	23,400	2,100	9.9	100	0.000

Giảm mạnh nhất					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
DTD	18,000	-1,000	-10.0	178,400	0.000
SPI	900	100	-10.0	80,900	0.000
TXM	9,900	-900	-10.0	100	0.000
VTS	10,100	0	-9.8	100	0.000
CPC	33,200	1,700	-9.8	300	0.000

HNX					
Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều tăng					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
ACB	29,400	100	0.3	2.60MLN	0.125
NVB	9,800	200	2.1	1.76MLN	0.059
OCH	5,800	500	9.4	17,200	0.046
PHP	13,300	1,100	9.0	84,600	0.037
PGS	34,000	1,000	3.0	100	0.033

Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều giảm					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
DL1	32,000	-1,900	-5.6	300	-0.098
PVS	18,700	-100	-0.5	3.40MLN	-0.024
VGC	16,000	-100	-0.6	1.10MLN	-0.021
VGS	75,200	-500	-0.7	383,700	-0.016
DTD	17,000	-1,000	-5.6	230,600	-0.016

Thanh khoản cao nhất					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	GTGD (tỷ đồng)	Đóng góp vào Index
SHB	7,600	0	0.0	4.82MLN	0.000
KLF	2,100	100	5.0	4.16MLN	0.017
PVS	18,700	-100	-0.5	3.40MLN	-0.024
ACB	29,400	100	0.3	2.60MLN	0.125
ART	4,500	100	2.3	1.88MLN	0.010

Nguồn: Bloomberg 08/11/18

TIN VĨ MÔ

Quốc hội chốt chỉ tiêu 2019: GDP và CPI đều "thận trọng" - Sáng 8/11, với đa số đại biểu tán thành, Quốc hội đã thông qua nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019. Về các chỉ tiêu chủ yếu, Quốc hội chốt tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 6,6-6,8%; tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) khoảng 4%; tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 7-8%; tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu dưới 3%; tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 33-34% GDP... Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho rằng, chỉ tiêu tăng GDP năm 2019 đã được tính toán trên cơ sở GDP ước thực hiện của năm 2018 đạt và vượt mức 6,7%. Qua dự báo và các cân đối lớn của nền kinh tế cũng như tham khảo đánh giá của một số tổ chức quốc tế, Chính phủ báo cáo Quốc hội mức tăng GDP 6,6-6,8% cho năm 2019 là bảo đảm tính thận trọng, hài hòa giữa mục tiêu tăng trưởng và kiềm chế lạm phát, tiếp tục tạo nền tảng ổn định kinh tế vĩ mô và giải quyết các vấn đề xã hội.

TIN NGÀNH

Không loại trừ khả năng OPEC và đồng minh sẽ giảm sản lượng dầu trong 2019 - Để tránh nguy cơ dư cung quay trở lại và kéo giá dầu xuống thấp, Tổ chức các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) và các đồng minh có thể lại giảm sản lượng vào năm 2019. Một nguồn tin từ OPEC cho biết không loại trừ khả năng thỏa thuận hạn chế sản xuất dầu sẽ được hồi sinh trong năm 2019. Thông tin này được đưa ra sau khi trang tin TASS của Nga cho biết nước này và Arab Saudi vừa trải qua một cuộc đàm phán song phương về việc giảm sản lượng trong năm sau. Cuối tuần này, bộ trưởng của một số thành viên OPEC và đồng minh sẽ họp lại để thảo luận về tình hình thị trường dầu thô hiện tại và triển vọng của năm 2019.

TIN DOANH NGHIỆP

VIB - Chuẩn bị trả cổ tức tiền mặt, chia thưởng 41,13% cho cổ đông - Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (mã VIB- UPCoM) vừa thông báo sẽ thực hiện chốt danh sách cổ đông nhận cổ phiếu thưởng để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu vào hôm 19/11 tới. 219 triệu cổ phiếu, tương đương tỷ lệ 41,13% sẽ được ngân hàng phát hành. Vốn điều lệ cũng tăng hơn 38,8% từ 5.644 tỷ lên 7.834 tỷ đồng. VIB cũng đã chốt ngày chi trả cổ tức bằng tiền mặt trong tháng 11 này vào 8/11. Tỷ lệ thực hiện là 4,98%/cổ phiếu, chi trả vào 10/12.

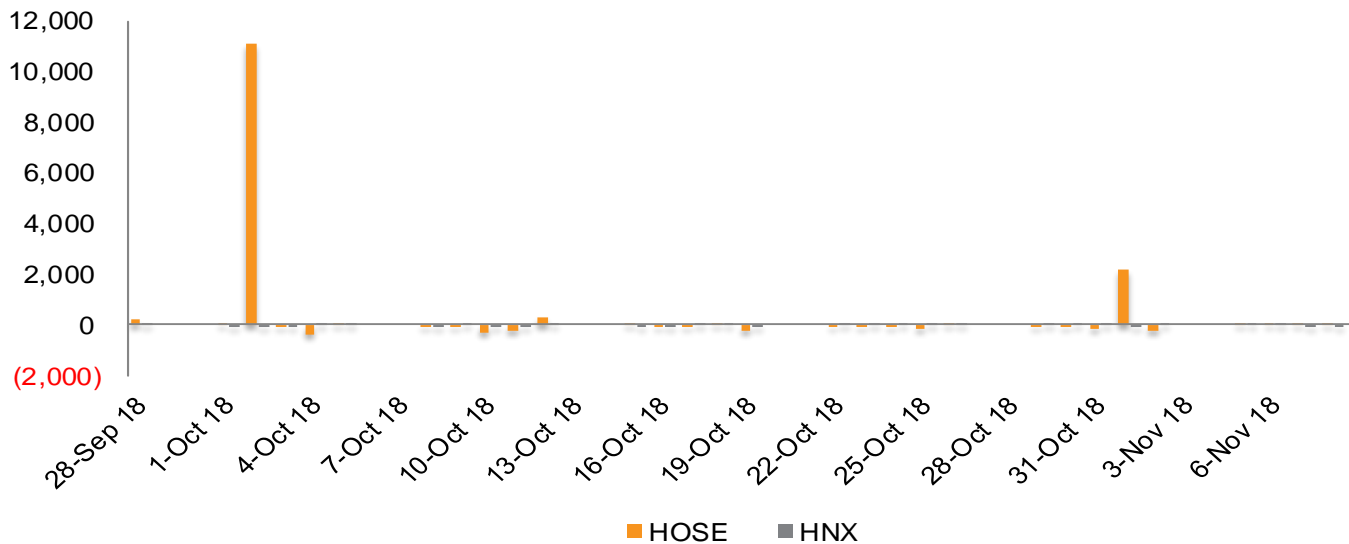
HSG - Đã chuyển nhượng xong bất động sản tại TP.HCM - Ngày 6/11, Công ty cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (HSG – HOSE) đã có thông báo hoàn tất chuyển nhượng bất động sản tại đường Đỗ Xuân Hợp, phường Phước Long B, quận 9, TP.HCM. Theo đó, tổng diện tích của bất động sản tại địa chỉ nêu trên là 7.145 m², trong đó thửa đất thứ nhất là 4.156 m² và thửa đất thứ hai là 3.000 m². Giá trị chuyển nhượng theo diện tích đo đạc thực tế được thông báo là hơn 139,5 tỷ đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

KLGD (triệu CP)	HOSE	HNX	GTGD (Tỷ đồng)	HOSE	HNX
MUA	7.5	0.3	MUA	275.7	3.8
% of market	5.2%	0.7%	% of market	10.8%	0.9%
BÁN	6.0	1.3	BÁN	242.1	22.9
% of market	4.2%	3.6%	% of market	9.5%	5.5%
MUA (BÁN) RÒNG	1.43	(1.0)	MUA (BÁN) RÒNG	33.6	(19.1)

Nguồn: HSX, HNX

Diễn biến giao dịch ròng khối ngoại (Tỷ đồng)



LŨY KẾ 2018

KLGD (triệu CP)	HOSE	HNX	GTGD (Tỷ đồng)	HOSE	HNX
MUA	4,169.2	392.7	MUA	241,893.1	7,208.7
% of market	9.7%	3.4%	% of market	20.1%	4.3%
BÁN	3,816.5	432.1	BÁN	200,366.4	7,956.2
% of market	8.8%	3.7%	% of market	16.6%	4.8%
MUA (BÁN) RÒNG	352.7	(39.4)	MUA (BÁN) RÒNG	41,527	(747.5)

Nguồn: HSX, HNX

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

HOSE					
Nước ngoài mua nhiều nhất (giá trị)					Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua	Đóng góp Index
VNM	120,000	500	0.42	36.1	0.272
HPG	38,900	-250	-0.64	34.6	-0.166
VHM	74,700	2,000	2.75	23.2	2.090
SSI	28,650	150	0.53	16.9	0.023
VRE	31,000	600	1.97	16.5	0.356

Nước ngoài bán nhiều nhất (giá trị)						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán	Đóng góp Index	
HPG	38,900	-250	-0.64	44.0	-0.166	
NVL	69,000	-200	-0.29	30.2	-0.057	
VHM	74,700	2,000	2.75	22.2	2.090	
VIC	96,000	0	0.00	21.7	0.000	
VNM	120,000	500	0.42	12.6	0.272	

Top mua ròng						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua ròng	Đóng góp Index	
VNM	120,000	500	0.42	23.6	0.272	
SSI	28,650	150	0.53	16.7	0.023	
SBT	22,300	-150	-0.67	15.8	-0.026	
FRT	72,500	1,400	1.97	15.0	0.030	
DXG	25,950	400	1.57	13.2	0.044	

Top bán ròng						VND'bn
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán ròng	Đóng góp Index	
NVL	69,000	-200	-0.29	-30.2	-0.057	
VIC	96,000	0	0.00	-15.3	0.000	
HPG	38,900	-250	-0.64	-9.4	-0.166	
HDB	33,200	0	0.00	-8.2	0.000	
DHG	85,400	1,400	1.67	-7.5	0.057	

HNX					
Nước ngoài mua nhiều nhất (giá trị)					Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua	Đóng góp Index
CEO	12,700	1,000	0.00	1.0	0.000
PVS	18,700	-100	-0.53	1.0	0.000
SHS	14,200	100	0.71	0.3	0.000
VGC	16,000	-100	-0.62	0.3	0.000
VCG	19,300	200	1.05	0.2	0.000

Nước ngoài bán nhiều nhất (giá trị)						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán	Đóng góp Index	
PVS	18,700	-100	-0.53	12.6	0.000	
VGC	16,000	-100	-0.62	4.4	0.000	
VCS	75,200	-500	-0.66	2.7	0.000	
DBC	28,200	100	0.36	0.8	0.000	
CMS	6,200	200	3.33	0.5	0.000	

Top mua ròng						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua ròng	Đóng góp Index	
CEO	12,700	0	0.00	1.0	0.000	
VCG	19,300	200	1.05	0.2	0.000	
SHS	14,200	100	0.71	0.2	0.000	
LHC	63,300	300	0.48	0.2	0.000	
HLD	13,100	-200	-1.50	0.1	0.000	

Top bán ròng						VND'bn
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán ròng	Đóng góp Index	
PVS	18,700	-100	-0.53	-11.58	0.000	
VGC	16,000	-100	-0.62	-4.08	0.000	
VCS	75,200	-500	-0.66	-2.64	0.000	
DBC	28,200	100	0.36	-0.85	0.000	
CMS	6,200	200	3.33	-0.54	0.000	

08/11/2018

Nguồn Bloomberg, HOSE, HNX

TOP 60 Cổ phiếu vốn hóa lớn nhất trên HOSE

CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá			Vốn hóa Tỷ đồng	SCP triệu CP	Freefloat %	% Room Khởi ngoại	KLGDBQ 30 ngày	P/E x	P/B x	ROE %	ROA %
		1 tháng	3 tháng	6 tháng									
1 VIC	96,000	-0.6	-11.8	-6.2	306,396	3,192	57.6	32.3	1,013,524	70.3	5.6	10.3	1.7
2 VHM	74,700	-6.6	-13.5	N/A	250,209	3,350	30.3	33.5	530,451	39.8	2.7	N/A	N/A
3 VNM	120,000	-9.8	-7.4	-22.2	208,971	1,741	46.2	41.2	831,594	24.0	8.2	35.2	29.5
4 VCB	55,700	-9.6	-10.3	-8.7	200,396	3,598	22.9	9.2	1,471,588	16.6	3.3	20.9	1.3
5 GAS	100,100	-14.1	2.1	-2.8	191,586	1,914	4.2	45.5	450,177	15.5	4.5	30.6	20.8
6 SAB	225,900	1.2	13.0	-3.8	144,865	641	10.4	39.2	37,906	32.7	8.7	28.5	20.3
7 BID	32,450	-9.9	11.1	-8.6	110,937	3,419	4.4	27.2	2,706,053	13.5	2.2	17.4	0.7
8 MSN	84,500	-5.9	-6.1	-12.9	98,286	1,163	34.3	8.7	1,165,501	15.6	5.1	30.9	8.7
9 TCB	27,000	-8.0	-2.7	N/A	94,408	3,497	81.8	0.0	2,070,103	9.5	1.9	25.4	3.2
10 CTG	23,200	-13.6	-3.1	-23.7	86,383	3,723	15.8	0.0	4,189,844	11.2	1.2	11.7	0.7
11 HPG	38,900	-5.6	6.0	-4.5	82,620	2,124	55.8	9.5	5,594,548	9.0	2.1	26.7	15.5
12 VJC	133,300	-5.2	-9.6	-14.9	72,197	542	53.2	6.2	774,282	14.1	6.8	67.1	19.7
13 VRE	31,000	-3.4	-9.9	-17.1	72,193	2,329	100.0	17.6	2,001,155	48.0	2.8	5.7	5.6
14 PLX	59,400	-11.1	-5.7	-12.9	68,834	1,159	6.3	9.0	676,674	18.1	3.5	19.5	6.2
15 BVH	94,200	1.2	18.5	-2.4	66,024	701	31.2	24.2	94,490	54.5	4.5	8.4	1.3
16 NVL	69,000	8.7	9.7	21.7	62,614	907	31.1	41.6	543,016	29.1	3.6	14.2	3.8
17 VPB	20,700	-18.2	-22.2	-38.5	50,855	2,457	74.0	0.0	4,190,995	7.3	1.7	26.9	2.5
18 MBB	21,400	-9.9	-8.2	-19.2	46,234	2,160	61.1	0.0	6,066,957	9.0	1.5	17.4	1.6
19 MWG	110,000	-14.1	-3.4	4.2	35,512	323	85.2	0.0	587,721	12.7	4.4	41.2	13.1
20 HDB	33,200	-12.2	-9.0	-23.1	32,569	981	72.7	2.9	1,862,418	16.9	2.3	14.9	1.0
21 FPT	42,150	-6.3	-0.8	-17.8	25,861	614	81.7	0.0	658,875	7.9	2.2	28.9	11.3
22 STB	12,600	-9.0	11.0	-7.7	22,726	1,804	94.0	11.4	10,768,430	16.9	1.0	5.8	0.3
23 ROS	37,700	-5.8	-8.7	-55.0	21,398	568	27.0	46.9	1,367,844	29.2	3.7	13.6	7.3
24 BHN	84,300	-6.3	-1.9	-24.7	19,541	232	0.9	31.4	1,284	30.4	5.1	17.3	6.7
25 TPB	25,300	-5.1	3.7	-15.9	16,845	666	74.4	0.0	413,048	14.7	2.2	15.9	0.8
26 EIB	13,700	-4.2	-2.1	-11.0	16,843	1,229	83.8	0.1	249,500	12.4	1.1	9.4	0.9
27 PNJ	96,700	-9.4	4.5	-20.8	15,679	162	64.1	0.0	562,553	17.8	4.6	30.0	19.2
28 SSI	28,650	-12.0	-3.0	-20.0	14,301	499	76.7	42.5	3,022,492	9.9	1.5	15.8	7.1
29 HNG	15,650	-2.8	-2.2	80.1	13,879	887	42.0	56.3	1,638,922	N/A	1.3	-7.3	-2.5
30 KDH	30,850	-10.3	9.4	-3.9	12,773	414	76.9	3.2	194,903	22.0	2.0	10.5	5.8
31 CTD	152,000	-8.5	-1.4	12.0	11,886	78	86.9	4.6	110,104	7.5	1.5	21.1	11.6
32 DHG	85,400	-9.0	-16.3	-17.9	11,166	131	22.1	50.7	147,098	21.2	3.8	18.3	14.6
33 SBT	22,300	9.3	36.8	27.4	11,048	495	52.7	90.3	2,962,371	25.7	1.8	11.3	4.3
34 GEX	26,000	-10.3	-12.1	-12.6	10,571	407	68.8	36.3	1,717,106	10.3	1.9	22.3	6.9
35 REE	31,650	-14.3	-8.3	-13.0	9,813	310	84.4	0.0	604,335	6.2	1.1	19.1	11.0
36 VHC	103,000	11.8	42.1	76.7	9,507	92	38.0	62.2	254,352	7.7	2.5	37.4	22.7
37 DXG	25,950	-9.6	-3.9	-13.0	9,078	350	69.4	1.9	2,711,600	8.5	2.0	25.9	9.0
38 YEG	287,000	20.1	45.7	N/A	8,977	31	93.2	54.7	12,743	116.0	22.4	29.0	11.6
39 VCI	54,000	-16.1	-1.1	-27.2	8,802	163	66.1	58.6	142,005	12.6	2.9	30.5	13.9
40 GMD	28,200	-0.5	11.0	2.5	8,373	297	60.8	3.0	1,306,706	4.5	1.5	30.8	18.1
41 TCH	21,150	-12.8	-25.4	-27.8	7,472	353	50.0	44.7	1,205,244	22.2	1.8	7.8	6.7
42 SCS	148,500	-1.0	-13.2	N/A	7,423	50	99.1	33.5	14,189	22.8	8.8	40.8	35.2
43 DPM	18,750	0.8	2.5	1.4	7,338	391	40.2	27.9	594,508	12.6	0.9	8.1	5.9
44 NT2	25,000	-6.4	-7.4	-19.0	7,197	288	32.1	27.4	172,764	8.7	2.0	19.8	9.3
45 HCM	55,100	-18.4	-3.0	-24.0	7,138	130	66.7	38.0	180,702	9.0	2.3	27.8	15.1
46 PDR	26,650	1.3	4.9	-18.3	7,099	266	37.8	43.2	1,363,199	13.8	2.3	18.3	5.1
47 VPI	43,500	3.1	6.6	N/A	6,960	160	100.0	38.8	281,373	10.1	3.8	38.8	13.1
48 PVD	16,450	-15.6	5.8	6.8	6,298	383	49.4	31.9	4,233,998	106.5	0.5	0.6	0.4
49 PAN	47,000	-14.4	-17.4	-26.6	6,274	133	46.7	53.9	73,477	27.7	1.8	6.4	2.7
50 CII	25,100	-4.9	-4.6	-18.0	6,142	245	85.7	15.4	748,637	75.5	1.2	1.7	0.4
51 NLG	28,700	-11.4	-1.2	-7.0	6,072	212	55.5	0.0	535,047	6.9	1.5	22.4	9.6
52 PPC	18,550	-4.4	1.4	-2.4	5,947	321	24.7	34.3	362,912	6.0	1.0	17.0	12.3
53 KBC	12,100	-10.0	2.1	-10.7	5,684	470	75.4	30.6	2,357,830	10.7	0.6	6.2	3.3
54 KDC	25,650	-5.7	-24.6	-27.7	5,275	206	41.7	27.5	143,511	N/A	0.9	-1.2	-0.6
55 PME	70,000	-2.8	-0.4	-2.4	5,251	75	99.0	0.0	7,465	16.2	3.3	19.3	16.0
56 DCM	9,610	-8.0	-13.0	-19.6	5,088	529	24.4	45.0	607,684	9.6	0.8	8.6	5.1
57 HAG	5,460	-6.2	-21.4	3.4	5,064	927	63.8	40.6	3,314,135	N/A	0.4	-2.5	-0.7
58 HT1	13,100	-15.5	12.0	-1.5	4,998	382	20.0	44.0	347,042	8.2	1.0	12.2	5.4
59 LGC	25,650	-7.2	-5.0	-2.8	4,947	193	N/A	4.0	8	30.1	1.9	6.5	1.7
60 FRT	72,500	-2.2	0.7	-17.8	4,930	68	92.1	1.0	11,902	17.5	6.2	42.9	6.8

Nguồn: Bloomberg 08/11/18

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi bộ phận Sales&Trading – Công ty Cổ Phần Chứng Khoán VNDIRECT. Báo cáo này không trực tiếp hoặc ngụ ý dùng để phân phối, phát hành hay sử dụng cho bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào là công dân hay thường trú hoặc tạm trú tại bất kỳ địa phương, lãnh thổ, quốc gia hoặc đơn vị có chủ quyền nào khác mà việc phân phối, phát hành hay sử dụng đó trái với quy định của pháp luật.

Báo cáo này được cung cấp trên cơ sở được đảm bảo tính bảo mật. Người sử dụng không được phép (i) sao chép hoặc lưu trữ dưới bất kỳ hình thức (ii) truyền tay hoặc phân phối, trực tiếp hoặc gián tiếp, từng phần hay toàn bộ báo cáo, cho bất kỳ ai mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng Khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào sự tư vấn độc lập và phù hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư cá biệt, VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

VNDIRECT SALES & TRADING

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Số 1 – Nguyễn Thượng Hiền – Hà Nội

Điện thoại: +84 439724568

Máy lẻ: 12560

Email : phong.sale.trading@vndirect.com.vn

Website: <http://vndirect.com.vn>